

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MỸ CHÁNH



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của **CHỢ MỸ CHÁNH**



Châu Thành, tháng 6 năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MỸ CHÁNH



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của CHỢ MỸ CHÁNH**

CHỦ CƠ SỞ
ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MỸ CHÁNH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Trung

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH
MÔI TRƯỜNG TỬ THIÊN



Từ Chí Thiện

Châu Thành, tháng 6. năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC BẢNG.....	iv
DANH MỤC HÌNH	v
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1.Tên chủ cơ sở	1
2.Tên cơ sở	1
3.Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	3
4.Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	5
5.Các thông tin liên quan khác.....	5
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	7
1.Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	7
2.Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	7
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	14
1.Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	14
2.Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	20
3.Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	21
4.Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	22
5.Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	23
6.Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	24
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	25
1.Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	25
2.Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: không có	26
3.Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn:	26
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	28

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG.....	32
CỦA CƠ SỞ.....	32
1.Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở.....	32
2.Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	32
3.Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	33
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA.....	35
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	35
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	36

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Diễn giải
1	NĐ	Nghị định
2	TT	Thông tư
3	QĐ	Quyết định
4	CP	Chính phủ
5	TTg	Thủ tướng chính phủ
6	UBND	Ủy ban nhân dân
7	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
8	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
9	QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
10	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
11	BTNMT	Bộ Tài nguyên - Môi trường
12	BYT	Bộ Y tế
13	QTMT	Quan trắc môi trường
14	ĐTM	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
15	CTR	Chất thải rắn
16	CTNH	Chất thải nguy hại
17	HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
18	BTCT	Bê tông cốt thép
19	CTRYT	Chất thải rắn y tế

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Danh mục máy móc, thiết bị.....	5
Bảng 2. Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td}).....	10
Bảng 3. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt.....	11
Bảng 4. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt.....	11
Bảng 5. Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nn}).....	12
Bảng 6. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí	13
Bảng 7. Kết quả nước thải của chợ	16
Bảng 8. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn	26
Bảng 9. Giá trị giới hạn đối với độ rung	26
Bảng 10. Kết quả nước thải của chợ	28
Bảng 11. Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực Chợ.....	29
Bảng 12. Kết quả quan trắc môi trường không khí cách chợ khoảng 100m	30
Bảng 13. Bảng tổng hợp các kết quả quan trắc nước mặt trong 03 đợt.....	31
Bảng 14. Dự toán kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	33

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.	Sơ đồ vị trí Chợ Mỹ Chánh.....	1
Hình 2.	Sơ đồ Chợ Mỹ Chánh.....	2
Hình 3.	Hình ảnh hiện trạng Chợ Mỹ Chánh.....	3
Hình 4.	Quy trình hoạt động tại cơ sở.....	4
Hình 5.	Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng hầm tự hoại.....	15
Hình 6.	Cấu tạo hầm tự hoại.....	15
Hình 7.	Hệ thống xử lý nước thải tập trung dự kiến.....	19
Hình 8.	Quy trình quản lý chất thải rắn thông thường tại chợ.....	22

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MỸ CHÁNH**
- Địa chỉ cơ sở: ấp Đầu Giồng A, Xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Nguyễn Thành Trung
- Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân xã Mỹ Chánh
- Điện thoại: 091 971 8043

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **Chợ Mỹ Chánh**
- Địa điểm cơ sở: ấp Đầu Giồng A, Xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Cơ sở được thực hiện ấp Đầu Giồng A, Xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh với tổng diện tích là 1.451 m². Tứ cận tiếp giáp của cơ sở được mô tả như sau:

- + Phía Đông giáp nhà dân
- + Phía Bắc giáp đường DT912;
- + Phía Tây giáp nhà dân;
- + Phía Nam giáp kênh Thống Nhất.

Vị trí hoạt động của Chợ Mỹ Chánh được thể hiện (ảnh vệ tinh) trong sơ đồ sau:



Hình 1. Sơ đồ vị trí Chợ Mỹ Chánh



Hình 2. Sơ đồ Chợ Mỹ Chánh

Từ khi đi vào hoạt động từ năm 2005 đến nay, Chợ vẫn chưa lập thủ tục về môi trường do Ban quản lý chợ chưa tiếp cận đầy đủ các quy định trong việc lập các giấy phép môi trường.

- **Quy mô của cơ sở:**

+ Căn cứ khoản 4 Điều 10 Luật đầu tư công và căn cứ mục IV phần C Phụ lục I phân loại dự án đầu tư công kèm theo Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ. Tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng, qua đó xác định cơ sở thuộc nhóm C.

+ Căn cứ mục 2, Phụ lục V nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Cơ sở thuộc nhóm III.

+ Căn cứ theo Khoản 2 Điều 39 và Khoản 4 Điều 41 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022, Cơ sở đã hoạt động trước ngày Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực → Cơ sở thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trình Phòng tài nguyên và Môi trường xem xét và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy phép môi trường.

Nhằm thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành trong công tác bảo vệ môi trường, Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (đơn vị tư vấn) lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho cơ sở “**Chợ Mỹ Chánh**” để trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

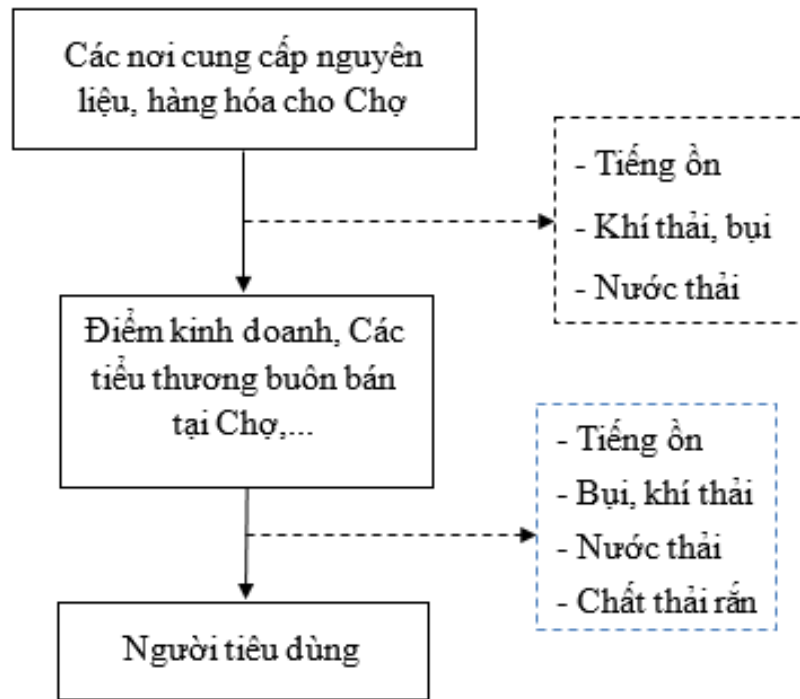
- Diện tích thực hiện cơ sở là 1.451m² bao gồm các hạng mục công trình chính và phụ phục vụ cho hoạt động của các tiểu thương.
- Chợ Mỹ Chánh là chợ loại 3 chủ yếu phục vụ nhu cầu mua bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.
- Hạng mục công trình chính gồm: Nhà lồng chợ kết cấu móng BTCT, nền xi măng, mái tole.
- Tổng số điểm hộ tiểu thương kinh doanh tại chợ là 125 hộ bao gồm: 15 sạp trong nhà lồng chợ và khu vực bên ngoài trong đó có 70 còn lại 40 các cá nhân buôn bán không thường xuyên.
- Các hạng mục công trình phụ trợ gồm: Sân đường, kết cấu:BTCT, hệ thống cấp nước, hệ thống cấp điện, hệ thống PCCC.



Hình 3. Hình ảnh hiện trạng Chợ Mỹ Chánh

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

- Quy trình thu mua, trao đổi hàng hóa tại Chợ bao gồm các công đoạn được thể hiện như sau:



Hình 4. Quy trình hoạt động tại cơ sở

Thuyết minh quy trình hoạt động tại cơ sở:

- Các tiểu thương sẽ thu mua các mặt hàng từ các nhà cung cấp trên địa bàn xã Mỹ Chánh, các khu vực lân cận, thành phố Trà Vinh về bán lại cho người dân có nhu cầu.

- Việc vận chuyển hàng hóa từ các nhà cung cấp đến Chợ chủ yếu bằng phương tiện giao thông đường bộ và đường thủy như: Xe máy, xe tải, ghe, xuồng, ... Các loại hàng hóa sau khi được nhập vào và lưu trữ tại các sạp kinh doanh sẽ được bán lại cho người tiêu dùng.

- Việc trao đổi buôn bán tại Chợ phải được thực hiện dưới sự quản lý và điều hành của BQL Chợ. Hàng hóa trong Chợ phải được bảo quản để đảm bảo hàng hóa bán cho người dân là sản phẩm còn tươi và an toàn. Các hàng hóa không tiêu thụ được, hoặc hết hạn sử dụng, sản phẩm bị hỏng... sẽ được tiểu thương thu gom để tiến hành xử lý đúng quy định.

- Thời gian hoạt động của chợ bắt đầu từ bắt đầu từ 3h sáng đến 9h sáng hàng ngày.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở là cung cấp các nguyên liệu, sản phẩm tươi, sạch, an toàn và đảm bảo vệ sinh thực phẩm cho người dân sinh sống xung quanh khu vực Chợ Mỹ Chánh.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

- Do đặc điểm hoạt động của cơ sở là dịch vụ cung cấp cơ sở hạ tầng để người dân trao đổi hàng hóa. Vì vậy các máy móc thiết bị được trang bị chủ yếu phục vụ công tác PCCC tại khu vực nhà quản lý và hệ thống quản lý của chợ.

Bảng 1. Danh mục máy móc, thiết bị

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Hiện trạng sử dụng
2	Bình chữa cháy	bình	03	80 %
3	Giá đỡ bình chữa cháy	cái	03	80 %
4	Bảng nội quy và tiêu lệnh PCCC	bộ	01	80 %

(Nguồn: Ban quản lý Chợ Mỹ Chánh, 2023)

- **Nhu cầu về điện:** Chợ là nơi giao lưu hàng hóa, nên nguồn điện cung cấp cho Chợ chủ yếu cung cấp cho các thiết bị chiếu sáng và các thiết bị phục vụ kinh doanh tại chợ. Lượng điện tiêu thụ tại Chợ ước tính vào khoảng 100 kWh/tháng, nguồn điện được cung cấp từ hệ thống điện quốc gia.

- **Nhu cầu về nước:** Nước sạch cung cấp cho Chợ chủ yếu dùng để vệ sinh quầy sạp và nhu cầu sinh hoạt của người dân mua bán tại Chợ. Lưu lượng sử dụng khoảng 2,92 m³/ngày (Số liệu căn cứ vào số lượng tiểu thương buôn bán tại chợ là 125 tiểu thương, thời gian hoạt động của chợ là 7 giờ/ngày và theo định mức tại QCVN 01:2021/BXD bình quân mỗi người sử dụng khoảng 80 lít/ngày.đêm), được cung cấp từ đơn vị cung cấp nước trên địa bàn.

- **Nhu cầu sử dụng nhiên liệu:** Chợ chỉ là nơi diễn ra các hoạt động dưới hình thức trao đổi hàng hóa giữa tiểu thương và người dân nên nhiên liệu tiêu thụ tại Chợ chỉ là xăng, dầu của các phương tiện giao thông ra vào khu vực Chợ. Tại đây không lưu trữ nhiên liệu.

5. Các thông tin liên quan khác

Các hạng mục công trình của cơ sở

Cơ sở hoạt động trên diện tích đất 1.451 m². Các hạng mục công trình tại cơ sở được thể hiện như sau:

Một số hình ảnh về các hạng mục, công trình của cơ sở:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Chợ Mỹ Chánh



Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Hiện nay chưa có quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường tỉnh.

Vị trí thực hiện cơ sở tại ấp Đầu Giồng A, Xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh có tổng diện tích 1.451m², thuận lợi trong giao thông vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm. Mặt khác Trà Vinh là một tỉnh thuộc Đồng Bằng Sông Cửu Long, là điểm sáng về thu hút đầu tư trong và ngoài nước, ngoài hệ thống giao thông thuận lợi, vì vậy đây là khu vực thuận lợi phát triển của Cơ sở.

Do đó việc đầu tư Chợ Mỹ Chánh hoàn toàn phù hợp với nhu cầu thực tế, Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 09/03/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030.

Cơ sở đã được xây dựng trước đó nên không có giai đoạn xây dựng, góp phần giảm thiểu một phần các tác động môi trường.

Tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người dân, cải thiện đời sống một lượng lớn nhân dân trong vùng, qua đó góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế vùng nông thôn.

Do vậy, việc thực hiện của Chợ Mỹ Chánh là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch cũng như chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Trà Vinh.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường nước

Hiện tại, cơ sở đang thực hiện xả nước thải (chưa qua xử lý) vào Kênh Thống Nhất (kênh cấp III) tiếp giáp cơ sở. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất là 04 m³/ngày đêm.

a) Đặc trưng nguồn nước thải và hoạt động xả nước thải:

- Các hoạt động phát sinh nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt từ hoạt động vệ sinh của tiểu thương và nước từ hoạt động kinh doanh của chợ.

- Lưu lượng nước thải phát sinh như sau:

+ Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $Q_{\max} = 05 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

b) Đặc trưng nguồn tiếp nhận nước thải:

- Hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải:

Trên địa bàn xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành có mạng lưới kênh thủy lợi dày đặc, chủ yếu là các kênh rạch để dẫn và tiêu thoát nước phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và hoạt động sinh hoạt của người dân.

- **Điều kiện chế độ thủy văn:** Ảnh hưởng trực tiếp bởi Sông Cổ Chiên, trong ngày nước lên xuống 2 lần, mỗi tháng có 2 lần triều cường và 2 lần triều kém, biên độ triều trong ngày rất lớn. Hệ thống kênh rạch khá chằng chịt, tạo nên mạng lưới tiêu úng, rửa phèn tốt.

- Cơ sở lựa chọn và sự phù hợp của nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Tiếp giáp về phía Nam của cơ sở là kênh Thống Nhất dài khoảng 21,5 km điểm đầu giáp sông Cần Chông, điểm cuối giao Sông Vĩnh Kim, thuộc tuyến kênh nhánh 6, đạt cấp V-ĐTND, chiều rộng đáy kênh khoảng 35m, độ sâu mực nước khoảng 3m.

+ Chọn Kênh Thống Nhất là nguồn tiếp nhận nước thải vì: Kênh Thống Nhất có chiều rộng đáy kênh khoảng 35m, độ sâu mực nước khoảng 3m, dài khoảng 21,5 km. Lưu lượng dòng chảy nhỏ nhất của sông là $101,94 \text{ m}^3/\text{s}$, lựa chọn theo TCVN 4118:2021 - Công trình thủy lợi - Hệ thống dẫn, chuyển nước - Yêu cầu thiết kế. Lưu lượng xả thải lớn nhất của cơ sở là $5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, tương đương $0,00005 \text{ m}^3/\text{s}$ rất nhỏ so với lưu lượng dòng chảy nhỏ nhất của kênh Thống Nhất. Do đó, việc xả thải của cơ sở vào kênh không ảnh hưởng lớn đến lưu lượng, chất lượng cũng như mục đích sử dụng nguồn nước tiếp nhận.

- Quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước cụ thể như sau:

+ Xác định đoạn sông cần đánh giá: Vị trí mặt cắt kênh tại điểm xả nước thải rộng khoảng 35m. Căn cứ theo quy định tại Điều 3 và Điều 5 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, khu vực cần đánh giá khả năng nhận nước thải, sức chịu tải là “đoạn kênh Thống Nhất chảy qua khu vực xã Mỹ Chánh, tiếp giáp Chợ Mỹ Chánh”.

+ Xác định mục đích sử dụng nước của nguồn tiếp nhận: Tại thời điểm lập báo cáo, nước mặt Kênh Thống Nhất dùng cho mục đích tưới tiêu, nông nghiệp.

- Xác định thông số đánh giá: Các thông số để đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải được lựa chọn đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, QCVN 08-MT:2015/BTNMT, QCVN 14:2008/BTNMT và các quy định hiện hành. Các thông số được lựa chọn cụ thể như sau: COD, BOD₅, Amoni, TSS, Nitrat và Phosphat. (Lưu ý: Không thực hiện đánh giá đối với thông số tổng Ni-tơ, tổng Phốt-pho, nguyên nhân do QCVN 08-MT:2015/BTNMT không quy định giá trị giới hạn đối với 02 thông số này).

+ Xác định phương pháp đánh giá: Đoạn kênh cần đánh giá là đoạn kênh Thống Nhất chảy qua khu vực xã Mỹ Chánh, nhìn chung không có hoạt động xả thải khác ngoài hoạt động của cơ sở, vì thế theo Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, phương pháp đánh giá được lựa chọn là phương pháp đánh giá trực tiếp. Đây là phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông được thực hiện trên cơ sở giới hạn tối đa của từng thông số đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, lưu lượng và kết quả phân tích chất lượng nguồn nước sông, lưu lượng và kết quả phân tích của các nguồn nước thải xả vào đoạn sông và quá trình gia nhập dòng chảy, biến đổi của các chất gây ô nhiễm.

Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là Kênh Thống Nhất bằng phương pháp đánh giá trực tiếp theo Khoản 4 Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 cụ thể được trình bày qua các bước như sau:

(1) Công thức đánh giá: $L_{tm} = (L_{tđ} - L_{nn}) \times F_s$

Trong đó:

L_{tm} : khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm, đơn vị tính là kg/ngày;

$L_{tđ}$: tải lượng tối đa của từng thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn sông và được xác định theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, đơn vị tính là kg/ngày;

L_{nn} : tải lượng của từng thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông và được xác định theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, đơn vị tính là kg/ngày;

F_s : hệ số an toàn, được xem xét, lựa chọn trong khoảng từ 0,7 đến 0,9 trên cơ sở mức độ đầy đủ, tin cậy, chính xác của các thông tin, số liệu sử dụng để

đánh giá do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 xem xét, quyết định.

(2) Xác định tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td})

Công thức xác định: $L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$;

C_{qc} : Giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn sông, đơn vị tính là mg/l. Áp dụng, QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B₁.

+ Q_s : Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là m³/s. Chọn $Q_s = 101,94$ m³/s tương ứng với lưu lượng dòng chảy nhỏ nhất của kênh.

+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m³/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

Bảng 2. Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td})

STT	Thông số	C_{qc} mg/l	Q_s m ³ /s	Hệ số thứ nguyên	L_{td} (kg/ngày)
1	BOD ₅	15	101,94	86,4	132.114
2	COD	30	101,94	86,4	264.228
3	TSS	50	101,94	86,4	440.381
4	Amoni	0,9	101,94	86,4	7.927
5	Nitrat	10	101,94	86,4	88.076
6	Phosphat	0,3	101,94	86,4	2.642

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

(3) Xác định tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{mn})

- Công thức xác định: $L_{mn} = C_{mn} \times Q_s \times 86,4$; Trong đó:

+ C_{mn} : kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt, đơn vị tính là mg/l;

+ Q_s : Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là m³/s. Chọn $Q_s = 101,94$ m³/s tương ứng với lưu lượng dòng chảy nhỏ nhất của Kênh Thống Nhất;

+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m³/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

- Nhằm có cơ sở tính toán tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước Kênh Thống Nhất, Cơ sở đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành lấy và thử nghiệm 03 mẫu nước mặt Kênh Thống Nhất trong 03 ngày khác nhau (mỗi mẫu cách nhau tối thiểu 03 ngày).

+ Vị trí lấy mẫu nước mặt phục vụ đánh giá khả năng tiếp nhận của đoạn kênh: Nước mặt kênh Thống Nhất tại vị trí cách điểm xả thải 100m theo hướng dòng chảy (Tọa độ VN-2000: X(m)=1086562; Y(m)= 593268).

+ Thời gian và điều kiện lấy mẫu cụ thể như sau:

Bảng 3. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt

STT	Ngày lấy mẫu	Điều kiện lấy mẫu
1	Đợt 1	- Lấy mẫu lúc: 9 giờ 30 phút; - Điều kiện: Trời nắng. - Vị trí lấy cách điểm xả thải khoảng 100m
2	Đợt 2	- Lấy mẫu lúc: 9 giờ; - Điều kiện: Trời mát, rờng - Vị trí lấy cách điểm xả thải khoảng 100m
3	Đợt 3	- Lấy mẫu lúc: 9 giờ 50 phút; - Điều kiện: Trời nắng, nước rờng. - Vị trí lấy cách điểm xả thải khoảng 100m

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

+ Kết quả thử nghiệm 03 mẫu nước mặt như sau:

Bảng 4. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			Kết quả trung bình
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	
1	TSS	mg/L	6,18	6,72	6,25	6,38
2	COD	mg/L	27	29,5	29,0	28,50
3	BOD ₅	mg/L	21,2	20,5	20,2	20,63

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Chợ Mỹ Chánh

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			Kết quả trung bình
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	
4	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	0,555	0,425	0,452	0,48
5	Nitrat	mg/L	1,34	2,342	2,34	2,01
6	Phosphat	mg/L	0,226	0,176	0,126	0,18

(Nguồn: Phiếu KQTN đính kèm Phụ lục)

- Như vậy, giá trị của C_{mn} được tính trên cơ sở giá trị trung bình của kết quả phân tích 03 mẫu nước mặt. Vậy tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước cụ thể như sau:

Bảng 5. Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{mn})

STT	Thông số	C _{mn} mg/l	Q _s m ³ /s	Hệ số thứ nguyên	L _{mn} (kg/ngày)
1	TSS	6,38	101,94	86,4	56.193
2	COD	28,5	101,94	86,4	251.017
3	BOD ₅	20,63	101,94	86,4	181.701
4	NH ₄ ⁺ -N	0,48	101,94	86,4	4.228
5	Nitrat	2,01	101,94	86,4	17.703
6	Phosphat	0,18	101,94	86,4	1.585

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

- Từ đó, khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là Kênh Thống Nhất được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1. Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải

STT	Thông số	L _{td}	L _{mn}	F _s	L _{tn} = (L _{td} - L _{mn}) x F _s
1	TSS	132.114	56.193	0,9	68.328,90
2	COD	264.228	251.017	0,9	11.889,90

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Chợ Mỹ Chánh

3	BOD ₅	440.381	181.701	0,9	232.812,00
4	NH ₄ ⁺ -N	7.927	4.228	0,9	3.329,10
5	Nitrat	88.076	17.703	0,9	63.335,70
6	Phosphat	2.642	1.585	0,9	951,30

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

Nhận xét: Căn cứ vào bảng trên, cho thấy tất cả các thông số ô nhiễm đặc trưng đều có giá trị $L_m > 0$, từ đó có thể kết luận nguồn nước mặt Kênh Thống Nhất có khả năng tiếp nhận 06 thông số đặc trưng được đánh giá của nước thải.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí

Để đánh giá hiện trạng môi trường không khí khu vực hoạt động của Chợ, Ban quản lý phối hợp với đơn vị tư vấn lấy và thử nghiệm mẫu không khí xung quanh cách chợ khoảng 100m, kết quả như sau:

- Vị trí giám sát không khí xung quanh: Khu vực cách chợ khoảng 100m.
- + Thông số: Bụi, Tiếng ồn, NO₂, CO, SO₂.

Bảng 6. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
1	Bụi	mg/m ³	0,217	0,3	-
2	Tiếng ồn	dB(A)	68,2	-	70
3	CO	mg/m ³	6,85	30	-
4	NO ₂	mg/m ³	0,061	0,2	-
5	SO ₂	mg/m ³	0,089	0,35	-

(Nguồn: Phiếu kết quả thử nghiệm đính kèm Phụ lục)

Nhận xét: Chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực cách chợ khoảng 100m có chất lượng tốt, tất cả các chỉ tiêu ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT. Vì thế, hoạt động của Chợ gây ảnh hưởng không đáng kể tới môi trường không khí xung quanh.

Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom và thoát nước mưa:

- Nước mưa chảy tràn phần mái nhà của cơ sở sẽ được thu gom bằng ống nhựa có đường kính D90 và chảy vào kênh Thống Nhất.
- Thực hiện các biện pháp kiểm soát chất lượng nước mưa chảy tràn:
 - + Vệ sinh sân bãi, đường nội bộ. Tần suất thực hiện 01 lần/ngày.
 - + Các loại chất thải rắn được tập kết đúng nơi quy định để hạn chế nguồn gây ô nhiễm cho nước mưa chảy tràn.

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh tại Chợ Mỹ Chánh bao gồm nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt, vệ sinh của tiểu thương, Ban quản lý chợ và phát sinh từ khu vực nhà lồng từ các hoạt động buôn bán thủy hải sản và vệ sinh dụng cụ khoảng 2,92 m³/ngày.đêm.

- Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt
 - + Tại cơ sở có 02 nhà vệ sinh gồm: 01 nhà vệ sinh nữ và 01 nhà vệ sinh nam.
 - + Thể tích hầm tự hoại: 16 m³ có kích thước LxBxH: 2x4x2m.
 - + Đường ống ngầm PVC D110.
 - + Hố ga BTCT, đập nắp BTCT.
 - + Độ dốc của hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt 0,25%, đảm bảo hướng thoát hướng về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

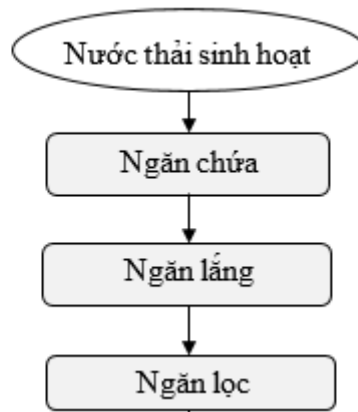
- Nước thải phát sinh từ quá trình kinh doanh của Chợ chủ yếu phát sinh tại khu vực kinh doanh thực phẩm tươi sống (sạp kinh doanh thịt, cá, ...), quá trình vệ sinh tại khu vực này và tại các sạp kinh doanh ăn uống, nước giải khát.

Lưu lượng nước thải phát sinh từ quá trình kinh doanh vào khoảng 0,45 – 0,6 m³/ngày (tính bằng 100% lưu lượng nước cấp cho hoạt động kinh doanh).

1.3. Xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt

Quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của chợ đã và đang được thực hiện như sau:



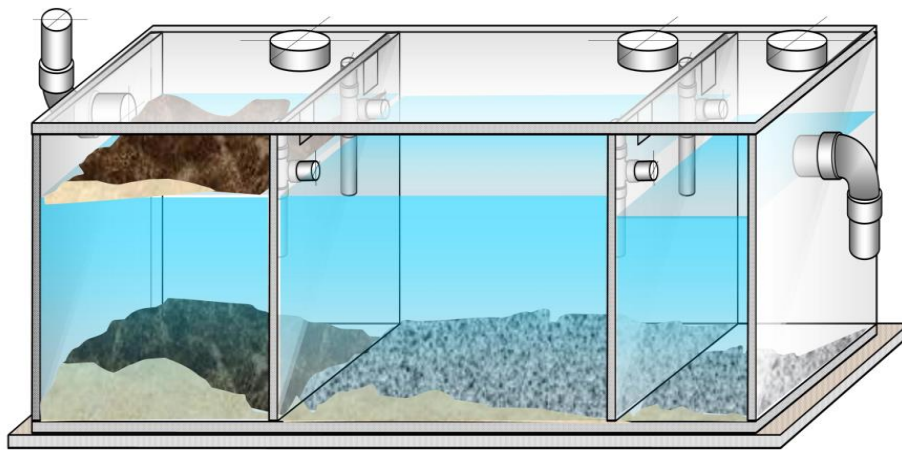
Hình 5. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng hầm tự hoại

***Thuyết minh quy trình**

Nước thải sinh hoạt được thu gom về hầm tự hoại và lần lượt đi qua các ngăn trong bể như sau:

+ Ngăn đầu tiên có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải.

+ Nước thải tiếp tục theo dòng chảy sang ngăn thứ hai. Ở ngăn này, các chất hữu cơ trong nước thải và bùn cặn đã lắng, chủ yếu là các Hydrocacbon, đạm, béo,... được phân hủy bởi các vi khuẩn kỵ khí và các loại nấm men. Nhờ vậy, cặn lên men, bớt mùi hôi, giảm thể tích. Chất không tan chuyển thành chất tan và chất khí (chủ yếu là CH_4 , CO_2 , H_2S , NH_3 ,...).



Hình 6. Cấu tạo hầm tự hoại

+ Nước thải tiếp tục chảy sang ngăn thứ ba để lọc toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng còn lại trong nước thải bằng sạn sỏi.

✎ **Đánh giá hiệu quả xử lý:** Phương pháp xử lý bằng hầm tự hoại phù hợp với tính chất đặc trưng của nước thải sinh hoạt. Đồng thời, để tăng khả năng xử lý của hầm tự hoại, Ban quản lý chợ phải thuê đơn vị có chức năng định kỳ 01 lần/năm thực hiện hút phần cặn lắng dưới đáy hầm tự hoại và xử lý theo đúng

quy định.

*** Nước thải từ hoạt động kinh doanh, buôn bán**

Nước thải phát sinh từ quá trình kinh doanh của Chợ chủ yếu phát sinh tại khu vực kinh doanh thực phẩm tươi sống (sạp kinh doanh thịt, cá, ...), quá trình vệ sinh tại khu vực này và tại các sạp kinh doanh ăn uống, nước giải khát.

Theo số liệu thống kê thực tế của chủ dự án, lưu lượng nước cấp tại các khu vực này khoảng 30 - 40 lít/ sạp/ngày.

Như vậy, với 15 sạp kinh doanh thịt, cá/tép và kinh doanh ăn uống, giải khát. Ước tính tổng lưu lượng nước thải phát sinh tại khu vực này trung bình khoảng 0,45 – 0,6 m³/ngày.

Lưu lượng nước thải phát sinh từ quá trình kinh doanh vào khoảng 0,45 – 0,6 m³/ngày (tính bằng 100% lưu lượng nước cấp cho hoạt động kinh doanh).

Đặc điểm của nước thải phát sinh từ hoạt động kinh doanh tương tự với nước thải sinh hoạt là có hàm lượng các chất hữu cơ cao, cặn lơ lửng và hòa tan, dễ bị phân hủy sinh học (như cacbohydrat, protein, mỡ), các chất dinh dưỡng (phosphat, nitơ), vi sinh vật... Các chất hữu cơ trong nước thải có tốc độ phân hủy sinh học cao, gây ra mùi hôi thối khó chịu và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng môi trường.

Cơ sở đã phối hợp với đơn vị có chức năng thu mẫu nước thải thử nghiệm kết quả được trình bày cụ thể như sau:

Bảng 7. Kết quả nước thải của chợ

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
1	pH	--	6,12	5-9
2	TSS	mg/L	136	100
3	TDS	mg/L	371	1000
4	BOD ₅	mgO ₂ /L	536	50
5	NH ₄ ⁺	mg/L	48,0	10
6	NO ₃ ⁻	mg/L	24,6	50

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
7	PO ₄ ³⁻	mg/L	12,7	10
8	S ²⁻	mg/L	1,33	4
9	Tổng dầu mỡ ĐTV	mg/L	0,614	20
10	Chất HDBM	mg/L	0,092	10
11	Coliform	MPN/100mL	11.500	5.000

Nguồn: Phiếu kết quả đính kèm phụ lục báo cáo

*** Ghi chú:**

- QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, Cột B.

Nhận xét: Nước thải tại Chợ Mỹ Chánh hiện tại chưa được xử lý khi thải ra môi trường, do đó qua kết quả phân tích thì chất lượng nước thải chỉ đạt 06/11 thông số so với QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B. Nước thải phát sinh chứa nồng độ các chất ô nhiễm cao, chưa được xử lý trước khi xả thải ra môi trường nước mặt Kênh Thống Nhất. Tại thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh đã phối hợp với đơn vị tư vấn và đơn vị phân tích lấy mẫu nước mặt Kênh Thống Nhất để đánh khả năng chịu tải của Kênh. Kết quả cho thấy Kênh Thống Nhất còn khả năng tiếp nhận nước thải từ Chợ Mỹ Chánh.

Tuy nhiên để Chợ hoạt động lâu dài và hạn chế gây ô nhiễm môi trường nước mặt của Kênh Thống Nhất đơn vị tư vấn phối hợp với Chủ cơ sở đề xuất bổ sung công trình, biện pháp xử lý nước thải:

Hiện tại, nước thải từ hoạt động kinh doanh của chợ chưa được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường. Lập kế hoạch đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung nhằm thu gom, xử lý triệt để lượng nước thải sau hầm tự hoại và nước thải từ hoạt động kinh doanh để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường nước mặt của Kênh Thống Nhất.

Việc lựa chọn công nghệ, phương pháp xử lý nước thải Chợ phụ thuộc vào nhiều yếu tố như:

- Thành phần nước thải.

- Lưu lượng nước thải.
- Tiêu chuẩn áp dụng so sánh chất lượng nước thải sau xử lý.
- Tính kinh tế, diện tích đất sử dụng.

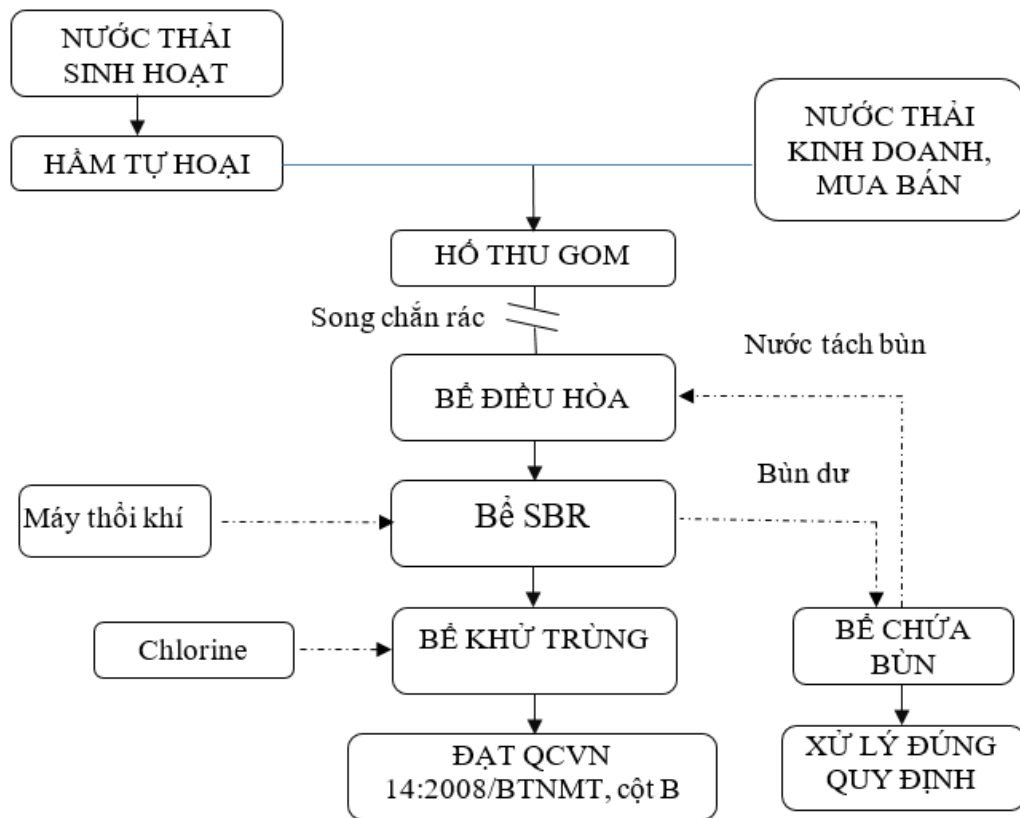
Trong các phương pháp xử lý nước thải như: Phương pháp cơ học, phương pháp hóa học, phương pháp sinh học,... thì phương pháp sinh học được xem là phương pháp tối ưu nhất. Ngoài ra, do nước thải phát sinh tại Chợ không liên tục, nên phương pháp xử lý sinh học bằng công nghệ SBR (xử lý theo mẻ) được xem là phù hợp với điều kiện thực tế. Các ưu điểm của phương pháp xử lý sinh học bằng công nghệ SBR:

- Chi phí vận hành thấp.
- Quy trình vận hành và quản lý đơn giản.
- Tính ổn định cao.
- Tiết kiệm được diện tích xây dựng.

Do đặc tính của nước thải chợ có thành phần ô nhiễm chính là các chất hữu cơ, vi sinh vật cao nên phương pháp xử lý sinh học kết hợp khử trùng sẽ mang lại hiệu quả xử lý tốt nhất, đảm bảo phân hủy gần như toàn bộ các chất ô nhiễm hữu cơ và tiêu diệt gần như hoàn toàn vi trùng gây bệnh.

Hệ thống xử lý nước thải theo phương pháp xử lý sinh học kết hợp khử trùng được xây dựng, vận hành theo đúng quy định thì hiệu suất xử lý nước thải có thể đạt 90 % đối với BOD₅, 80 % đối với SS và hơn 99 % đối với Coliform.

Quy trình xử lý nước thải tập trung của chợ với công suất 5 m³/ngày đêm được thực hiện như sau:



Hình 7. Hệ thống xử lý nước thải tập trung dự kiến

*Thuyết minh quy trình

Xử lý nước thải theo phương pháp xử lý sinh học bằng công nghệ SBR là phương pháp xử lý bùn hoạt tính nhưng 2 giai đoạn phản ứng và lắng diễn ra trong cùng một bể (bể SBR).

Nguyên lý hoạt động: Bể SBR hoạt động theo một chu kỳ tuần hoàn với 4 pha bao gồm: Làm đầy, phản ứng, lắng và xả nước. Trong đó pha phản ứng hay còn gọi là quá trình tạo hạt (bùn hạt hiếu khí) quá trình này phụ thuộc vào khả năng cấp khí, đặc điểm của chất nền trong nước thải đầu vào.

- Hố thu gom, song chắn rác: Nước thải từ các nguồn thải sẽ chảy theo hệ thống thu gom đến hố ga thu gom nước thải, tại đây bố trí song chắn rác cơ học thô có kích thước mắt lưới 10 mm, mục đích để loại bỏ các chất rắn thô. Song chắn rác thô được làm sạch bằng thủ công.

Hố thu gom có tác dụng như bể lắng, trong thời gian nước thải lưu tại bể thu gom nhờ tác động của trọng lực, các phần tử chất rắn có tỷ trọng lớn hơn của nước lắng xuống đáy bể và chúng được lấy ra khỏi nước thải. Sau thời gian lưu khoảng 3 giờ hầu hết các chất rắn dễ lắng và 30% - 40% những chất ở dạng lơ lửng huyền phù được lắng xuống đáy bể, nước thải sau khi qua xử lý sơ bộ sẽ

loại bỏ hầu hết các tạp chất khô, khoảng 20% - 30% tạp chất lơ lửng, lượng BOD có thể giảm được 20% - 25%.

- Bể điều hòa: Nước thải sau khi được tách rác tại bể thu gom sẽ được dẫn vào bể điều hòa, bể này có chức năng điều hòa lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải, tránh được hiện tượng “shock” do hoạt động quá tải hoặc dưới tải về lưu lượng cũng như hàm lượng các chất hữu cơ.

- Bể SBR (Sequencing Batch Reactor): Quy trình hoạt động của bể SBR như sau:

+ Pha làm đầy: Trong pha này, nước thải được bơm từ bể điều hòa lên bể SBR đến lượng nước thích hợp để xử lý thì ngừng bơm.

+ Pha phản ứng: Sau khi cho nước vào bể, hệ thống bơm nước thải sẽ ngừng hoạt động, thay vào đó hệ thống sục khí sẽ được khởi động để tiến hành quá trình nitrit hóa, nitrat hóa và phân giải các hợp chất hữu cơ. Do trong pha này, không có nước thải vào trong bể vì vậy thể tích nước thải và tải trọng hữu cơ không được bổ sung, quá trình sục khí được duy trì, các vi sinh vật hiếu khí sẽ oxy hóa các hợp chất hữu cơ để sinh trưởng và phát triển. Vì vậy các hợp chất hữu cơ sẽ được loại bỏ khỏi nước thải.

+ Pha lắng: Các thiết bị sục khí ngừng hoạt động, quá trình lắng diễn ra trong môi trường tĩnh hoàn toàn, thời gian lắng thường nhỏ hơn 2 giờ. Trong pha này, các bông bùn đã được hình thành sẽ được lắng xuống đáy bể.

+ Pha xả nước: Thực hiện đồng thời 2 quá trình là tháo phần nước trong sang bể xử lý tiếp theo và rút bùn dư đưa về bể chứa bùn.

- Bể khử trùng: Bể khử trùng dùng chlorine nhằm tiêu diệt toàn bộ vi sinh vật gây hại cho con người, thời gian lưu nước trong bể là 30 phút với hàm lượng chlorine dư là 0,5 mg/L đủ đảm bảo khử trùng. Nước thải sau hệ thống xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải của các phương tiện vận chuyển và mùi trong quá trình hoạt động của chợ như sau:

Khí thải của các phương tiện vận chuyển có thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO₂, NO₂, CO,... Để giảm thiểu ô nhiễm gây ra do khí thải của các phương tiện

giao thông vận tải, phương tiện đi lại Ban Quản lý chợ đã và sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- + Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật và giữ vệ sinh sân đường nội bộ để hạn chế bụi phát sinh trong quá trình di chuyển của người dân;
- + Quy định tốc độ của phương tiện khi ra vào chợ, quy định vị trí dừng, đỗ xe;
- + Cấm các phương tiện lưu thông trong khu vực Chợ vào các giờ cao điểm;
- + Tuyên truyền, khuyến khích người dân đỗ xe vào đúng nơi quy định.
- + Thực hiện nghiêm chỉnh nội quy chợ như: Quét dọn, làm vệ sinh sạch sẽ tại khu vực buôn bán nhằm hạn chế mùi từ rác thải, nước tồn đọng tại Chợ;
- + Thu gom rác thải trong ngày, tránh trường hợp tồn đọng rác thải, từ đó phát sinh mùi gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí và các hộ dân lân cận.
 - Đường được bê tông hóa, giảm thiểu phát sinh bụi từ mặt đường khi có phương tiện di chuyển.
 - Định kỳ vệ sinh sân và đường nội bộ với tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.
 - Tăng cường công tác vệ sinh khu vực cơ sở và những nơi phát sinh mùi hôi, đặc biệt là khu vực nhà vệ sinh, thùng chứa CTR.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

Số lượng thiết bị, phương tiện thu gom và lưu chứa CTR thông thường được trang bị tại cơ sở cụ thể như sau: bố trí 08 thùng rác nhựa HDPE (loại thùng có thể tích 240L/thùng, có nắp đậy kín) xung quanh các nhà lồng.

3.2. Chung loại, khối lượng chất thải rắn thông thường

- Lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trung bình tại khu vực Chợ khoảng 150 kg/ngày, gồm chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn từ các loại bỏ thực phẩm hư.

3.3. Các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường tại cơ sở

- Các biện pháp được áp dụng nhằm thu gom, quản lý và xử lý các loại chất thải rắn thông thường phát sinh tại Chợ được thực hiện như sau:
 - + Ban quản lý chợ tiến hành kiểm tra việc thu gom và lưu giữ rác thải

nhằm tránh trường hợp phát sinh lượng rác quá tải. Bên cạnh đó, Ban quản lý chợ phối hợp với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý đúng quy định.

+ Quy trình thu gom, xử lý chất thải rắn:



Hình 8. Quy trình quản lý chất thải rắn thông thường tại chợ

↪ **Đánh giá hiệu quả xử lý:** Nhìn chung, các biện pháp quản lý và xử lý chất thải rắn đã và đang được áp dụng phù hợp với điều kiện thực tế của chợ, đảm bảo xử lý triệt để lượng chất thải phát sinh, không tồn đọng hay gây mất vệ sinh môi trường.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

4.1. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Bố trí 01 thùng chứa chất thải nguy hại (có nắp đậy, đặt ở nơi có mái che, đảm bảo không rò rỉ), có dán nhãn theo đúng quy định.

- Do người dân chưa ý thức trong công tác phân loại chất thải, phần lớn CTNH được thu gom chung với chất thải rắn thông thường. Từ đó gây khó khăn cho công tác quản lý và xử lý chất thải tại khu vực chợ. Do đó, biện pháp quản lý CTNH được đề xuất như sau:

- Hướng dẫn tiêu thương, nhân viên Ban Quản lý chợ phân loại rác;
- Tuyên truyền ý thức về bảo vệ môi trường và tác hại của CTNH; nghiêm cấm xả chất thải nguy hại xuống rạch Chợ;
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác phân loại, lưu trữ và xử lý

chất thải nguy hại tại khu vực chợ;

Nhìn chung, các biện pháp quản lý và xử lý chất thải rắn được đề xuất phù hợp với điều kiện thực tế của chợ, dễ thực hiện, đảm bảo xử lý triệt để lượng chất thải phát sinh, không tồn đọng hay gây ô nhiễm môi trường đất, nước trong khu vực.

4.2. Công trình xử lý chất thải nguy hại

- Chủ cơ sở cam kết sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định khi số lượng đủ nhiều để chuyển giao chất thải nguy hại của cơ sở theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Chung loại, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

- Tại thời điểm lập báo cáo chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở Các loại chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải (mã CTNH: 16 01 06) phát sinh chủ yếu từ khu vực nhà lồng Chợ, khối lượng phát sinh ước tính khoảng 01 kg/tháng.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

a) Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Tại Chợ tiếng ồn phát sinh chủ yếu vào buổi sáng (khoảng 3 – 4 giờ/ngày). Tuy nhiên để giảm thiểu đến mức thấp nhất những tác động do tiếng ồn gây ra, Ban quản lý Chợ sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Đặt ra các nội quy về hoạt động của từng khu vực cụ thể (giới hạn giờ giấc sinh hoạt) nhằm bảo đảm sự yên tĩnh cho các hộ dân ở khu vực dân cư xung quanh Chợ.

- Quy định tốc độ cho các phương tiện khi ra vào khu vực chợ; bố trí khu vực đỗ xe cho người dân;

- Hạn chế bấm còi xe trong khuôn viên chợ, đặc biệt là vào thời gian nghỉ ngơi của người dân hoặc sáng sớm;

b) Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung

- Đối với tiếng ồn: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Đối với độ rung: áp dụng QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về độ rung.

6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Nhằm phòng ngừa và ứng phó kịp thời khi phát sinh sự cố cháy nổ, các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu được áp dụng tại Chợ như sau:

- Thường xuyên và định kỳ kiểm tra, sửa chữa hệ thống điện nhằm phát hiện, sửa chữa kịp thời các thiết bị hư hỏng.

- Xây dựng nội quy nghiêm cấm các hộ tiểu thương thờ cúng, đốt nhiều vàng mã trong khu vực sạp kinh doanh.

- Các phương tiện PCCC luôn được kiểm tra thường xuyên và trong tình trạng sẵn sàng ứng phó sự cố;

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của các hộ tiểu thương trong công tác phòng cháy chữa cháy: Nâng cao ý thức trong quá trình lưu trữ hàng hóa, sử dụng điện và các thiết bị điện phù hợp. Khuyến khích các hộ tiểu thương kinh doanh các mặt hàng dễ cháy trang bị thiết bị chữa cháy tại chỗ.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có chức năng để được tập huấn định kỳ các phương pháp PCCC, ứng phó khi phát sinh cháy nổ.

- Phối hợp với cơ quan có chức năng khi phát sinh sự cố cháy nổ, để được hướng dẫn kịp thời các biện pháp ứng phó và khắc phục sự cố.

6.2. An ninh trật tự và an toàn giao thông

Nhằm đảm bảo an ninh trật tự và an toàn giao thông, Ban quản lý Chợ đã và đang áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sau:

- Xây dựng nội quy hoạt động của chợ và niêm yết tại các vị trí dễ thấy nhằm đảm bảo quá trình hoạt động của Chợ được an toàn - văn minh - hiệu quả.

- Lập đội trật tự chịu trách nhiệm như:

- + Tuần tra thường xuyên khu vực chợ nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các đối tượng trộm, cướp hoặc gây rối trật tự;

- + Phát hiện và giải quyết kịp thời các hộ kinh doanh tự phát gây mất trật tự hoặc lấn chiếm lòng đường, gây cản trở, ùn tắc giao thông khu vực chợ;

- + Điều tiết giao thông trong các giờ cao điểm hoặc khi có các phương tiện vận chuyển tải trọng lớn ra vào chợ.

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh:
- + Nước thải sinh hoạt của tiểu thương: 2,92 m³/ngày.
- + Nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động kinh doanh của chợ: 0,6 m³/ngày.
- Lưu lượng xả thải tối đa: 05 m³/ngày.đêm
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau cống thoát nước của Chợ Mỹ Chánh.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Số lượng các chất ô nhiễm và nồng độ các chất ô nhiễm đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Vì vậy, các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải của cơ sở được trình bày chi tiết ở bảng sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B
1	pH	--	5,5 – 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	50
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/L	1000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4
6	Amoni (Tính theo N)	mg/L	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	50
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	10

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	20
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10
11	Coliforms	MPN/100mL	5.000

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh Thống Nhất.

- Vị trí xả nước thải: Tọa độ: X=1086562, Y= 593268 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

- Phương thức xả nước thải: Nước thải công thoát nước tự chảy vào Kênh Thống Nhất.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: không có

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn:

- Nguồn phát sinh tiếng ồn và độ rung: Phát sinh từ quá trình Chợ hoạt động và phương tiện lưu thông trong khu vực Chợ.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và độ rung:

+ Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

Bảng 8. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

STT	Thời gian áp dụng trong ngày (khu vực thông thường)	Giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT (dBA)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	55

+ Giá trị giới hạn đối với độ rung: QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Bảng 9. Giá trị giới hạn đối với độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày (khu vực thông thường)	Giới hạn cho phép theo QCVN 27:2010/BTNMT
-----	--	--

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Chợ Mỹ Chánh

		(Mức gia tốc rung cho phép, dB)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	60

Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Ban quản lý Chợ Mỹ Chánh phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (đơn vị tư vấn) và Công ty CP Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC thực hiện quan trắc chất lượng môi trường nước thải, nước mặt, không khí cụ thể như sau:

- Đơn vị thực hiện lấy mẫu: Công ty CP Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC

+ Địa chỉ: số 115, đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Quyết định số 1224/QĐ-BTNMT ngày 08/6/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường v/v chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo của cơ sở cụ thể như sau:

1. Kết quả quan trắc môi trường nước thải

Từ khi đi vào hoạt động đến nay, cơ sở chưa thực hiện hồ sơ môi trường nên không thực hiện Chương trình quan trắc môi trường định kỳ. Do đó, để phục vụ cho việc thực hiện hồ sơ môi trường phục vụ cho quá trình hoạt động của chợ Mỹ Chánh, chủ cơ sở và đơn vị tư vấn đã phối hợp với đơn vị lấy mẫu, phân tích mẫu, cụ thể như sau: 01 mẫu nước thải tại vị trí cống thoát nước thải của Chợ.

Bảng 10. Kết quả nước thải của chợ

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
1	pH	--	6,12	5-9
2	TSS	mg/L	136	100
3	TDS	mg/L	371	1000
4	BOD ₅	mgO ₂ /L	536	50
5	NH ₄ ⁺	mg/L	48,0	10
6	NO ₃ ⁻	mg/L	24,6	50
7	PO ₄ ³⁻	mg/L	12,7	10

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
8	S ²⁻	mg/L	1,33	4
9	Tổng dầu mỡ ĐTV	mg/L	0,614	20
10	Chất HDBM	mg/L	0,092	10
11	Coliform	MPN/100mL	11.500	5.000

Nguồn: Phiếu kết quả đính kèm phụ lục báo cáo

*** Ghi chú:**

- QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, Cột B.

Nhận xét: Nước thải tại Chợ Mỹ Chánh qua kết quả phân tích thì chất lượng nước thải tương đối chỉ đạt 06/11 thông số so với QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B. Các thông số gồm: TSS, BOD₅, NH₄⁺, PO₄³⁻, Coliform đặc trưng của nước thải sinh hoạt vượt rất nhiều lần so với QCVN 14:2008/BTNMT.

2. Kết quả quan trắc môi trường không khí

Bảng 11. Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực Chợ

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	68,5	-	70
2	Bụi	mg/m ³	0,159	0,3	-
3	SO ₂	mg/m ³	0,072	0,35	-
4	NO ₂	mg/m ³	0,035	0,2	-
5	CO	mg/m ³	5,56	30	-

Nguồn: Phiếu kết quả đính kèm phụ lục báo cáo

*** Ghi chú:**

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ.

- QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

* **Nhận xét:** Môi trường không khí xung quanh khu vực nhà lồng chợ cá có chất lượng tốt, tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

Bảng 12. Kết quả quan trắc môi trường không khí cách chợ khoảng 100m

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	dB(A)	68,2	-	70
2	Bụi	mg/m ³	0,217	0,3	-
3	SO ₂	mg/m ³	0,089	0,35	-
4	NO ₂	mg/m ³	0,061	0,2	-
5	CO	mg/m ³	6,85	30	-

Nguồn: Phiếu kết quả đính kèm phụ lục báo cáo

* **Ghi chú:**

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

* **Nhận xét:** Môi trường không khí xung quanh cách Chợ khoảng 100m có chất lượng tốt, tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

2. Kết quả quan trắc môi trường nước mặt

Từ khi đi vào hoạt động đến nay, cơ sở chưa thực hiện hồ sơ môi trường nên không thực hiện Chương trình quan trắc môi trường định kỳ. Do đó, để phục vụ cho việc thực hiện hồ sơ môi trường phục vụ cho quá trình hoạt động của chợ Mỹ Chánh, chủ cơ sở và đơn vị tư vấn đã phối hợp với đơn vị lấy mẫu, phân tích mẫu, cụ thể như sau: 01 mẫu nước mặt Kênh Thống Nhất cách điểm xả thải của chợ 100 m theo hướng dòng chảy (03 đợt).

Kết quả quan trắc môi trường nước mặt khu vực Kênh Thống Nhất được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 13. Bảng tổng hợp các kết quả quan trắc nước mặt trong 03 đợt

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B ₁)
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	
1	TSS	mg/L	6,18	6,72	6,25	50
2	COD	mg/L	27	29,5	29,0	30
3	BOD ₅	mg/L	21,2	20,5	20,2	15
4	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	0,555	0,425	0,452	0,9
5	Nitrat	mg/L	1,34	2,342	2,34	10
6	Phosphat	mg/L	0,226	0,176	0,126	0,3

(Nguồn: Các phiếu kết quả thử nghiệm nước mặt của cơ sở đính kèm Phụ lục)

Nhận xét: Nước mặt tại Kênh Thống Nhất cách điểm xả thải của chợ khoảng 100m theo hướng dòng chảy có chất lượng tương đối tốt, đa số chỉ tiêu thử nghiệm có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B₁), riêng các thông số BOD₅ vượt so với giới hạn cho phép tối thiểu theo quy định.

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở

Công trình xử lý chất thải xây dựng tại cơ sở chỉ có hầm tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt có phát sinh nước thải rất ít và được xử lý bằng hầm tự hoại, thuê hút hầm định kỳ do đó cơ sở không phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ, cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này có mức lưu lượng xả nước thải thấp hơn $500\text{m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ) không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ và sẽ không phải lập chương trình quan trắc nước thải định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục

Căn cứ theo Điều 97 và Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Căn cứ theo kết quả đánh giá, dự báo các nguồn thải phát sinh từ Chợ Mỹ Chánh, thì cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở

a) Quan trắc môi trường không khí

- Vị trí quan trắc:
- + Khu vực nhà lồng Chợ cá
- + Khu vực cách Chợ khoảng 100m theo hướng gió
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi lơ lửng, SO_2 , NO_2 , CO.
- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- + QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng

không khí xung quanh.

b) Quan trắc môi trường nước thải

- Vị trí quan trắc: Nước thải tại đầu ra sau xử lý nước thải của chợ
- Tần suất: 06 tháng/lần
- Thông số: pH, TSS, BOD₅, NH₄⁺-N, NO₃⁻-N, PO₄³⁻-P, H₂S, Dầu mỡ động thực vật, Coliforms.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, Cột B.

c) Quan trắc môi trường nước mặt

- Vị trí quan trắc: Nước mặt Kênh Thống Nhất
- Tần suất: 06 tháng/lần
- Thông số: pH, TSS, BOD₅, NH₄⁺-N, NO₃⁻-N, PO₄³⁻-P, Tổng dầu mỡ, Coliforms.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, Cột B1.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Căn cứ theo chương trình quan trắc của Ban quản lý Chợ Mỹ Chánh và đơn giá được áp dụng theo Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Bảng giá các thông số quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm tại cơ sở được dự toán cụ thể như sau:

Bảng 14. Dự toán kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

STT	Tên thông số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Thu mẫu không khí				9.162.144
1	Tiếng ồn	Mẫu	4	127.110	508.440
2	Bụi	Mẫu	4	262.620	1.050.480
3	NO ₂	Mẫu	4	440.948	1.763.792
4	SO ₂	Mẫu	4	895.978	3.583.912
5	CO	Mẫu	4	563.880	2.255.520

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Chợ Mỹ Chánh

STT	Tên thông số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
II	Thu mẫu nước thải				5.485.848
1	pH	mẫu	2	63.567	127.134
2	TSS	mẫu	2	219.403	438.806
3	BOD ₅	mẫu	2	184.232	368.464
4	NH ₄ ⁺ -N	mẫu	2	189.193	378.386
5	NO ₃ ⁻ -N	mẫu	2	317.654	635.308
6	PO ₄ ³⁻ -P	mẫu	2	271.234	542.468
7	H ₂ S	mẫu	2	212.872	425.744
8	Dầu mỡ động thực vật	mẫu	2	467.926	935.852
9	Tổng Coliforms	mẫu	2	816.843	1.633.686
III	Thu mẫu nước mặt				4.556.078
1	pH	mẫu	2	82.749	165.498
2	TSS	mẫu	2	140.373	280.746
3	BOD ₅	mẫu	2	183.155	366.310
4	NH ₄ ⁺ -N	mẫu	2	174.419	348.838
5	NO ₃ ⁻ -N	mẫu	2	235.360	470.720
6	PO ₄ ³⁻ -P	mẫu	2	217.868	435.736
7	Tổng dầu mỡ	mẫu	2	389.769	779.538
8	Tổng Coliforms	mẫu	2	854.346	1.708.692
IV	Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm				6.000.000
Tổng cộng					25.204.070

**Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo đến nay, Chợ Mỹ Chánh chưa tiếp đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường.

Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Trong quá trình quản lý và vận hành chợ, Ban Quản lý Chợ Mỹ Chánh xin cam kết:

- Cam kết đảm bảo các nguồn phát sinh chất thải do hoạt động của chợ nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật môi trường: Nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) trước khi thải vào nguồn tiếp nhận là Kênh Thống Nhất.

+ Đối với nước mưa chảy tràn: Thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát, đảm bảo nước mưa không bị ô nhiễm và xả thải trực tiếp ra môi trường.

+ Đối với các nguồn phát sinh tiếng ồn: Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn.

- Đối với tiếng ồn: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ Đối với chất thải rắn (chất thải thông thường và chất thải nguy hại): Thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý chất thải tại nguồn, thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định. Đảm bảo công tác quản lý và xử lý chất thải rắn đúng theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Đối với chương trình quan trắc môi trường đã đề xuất: Thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc môi trường và có chế độ báo cáo về cơ quan quản lý theo đúng quy định.

PHỤ LỤC

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 434/QĐ-UBND

Châu Thành, ngày 20 tháng 5 năm 2020

VAN PHONG UBND XÃ MỸ CHÁNH

ĐẾN Số: 1.223...
Ngày: 25.5.2020
Chuyển: N.T., lins...
Lưu hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Ban quản lý chợ Thanh Nguyên B và
chợ Mỹ Chánh, xã Mỹ Chánh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về
phát triển và quản lý chợ; Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 về sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của
Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm
thương mại tỉnh Trà Vinh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1779/QĐ-UBND ngày 24/6/2016 của Chủ tịch Ủy
ban nhân dân huyện Châu Thành về việc thành lập Ban Quản lý chợ Thanh
Nguyên B và chợ Mỹ Chánh, xã Mỹ Chánh;

Xét Tờ trình số 37/TTr-PKT&HT ngày 07/5/2020 của Trưởng phòng Kinh
tế và Hạ tầng huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Ban quản lý chợ Thanh Nguyên B và chợ Mỹ Chánh, xã
Mỹ Chánh (gọi tắt là Ban quản lý chợ xã Mỹ Chánh), gồm các ông, bà có tên sau:

1. Ông Nguyễn Thành Trung, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Trưởng
ban quản lý.

* Các thành viên:

2. Ông Trần Văn Âm, Chủ tịch Ủy ban MTTQVN xã.

3. Ông Lê Văn Độc Lập, Trưởng Công an xã.

4. Ông Đặng Quốc Thống, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự xã.

5. Bà Huỳnh Thị Mộng Thu, Kế toán Tài chính xã, kế toán Ban quản lý.

6. Ông Phạm Quốc Hương, Công chức Địa chính - Xây dựng xã.

7. Bà Trần Văn Phúc, Công chức Văn phòng - Thống kê.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MỸ CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 17/QĐ-UBND

Mỹ Chánh ngày 12 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Kiện toàn Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MỸ CHÁNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy năm 2001 sửa đổi, bổ sung năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 163/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2014 của Bộ công an;

Xét đề nghị của Công chức Văn phòng - Thống kê UBND xã Mỹ Chánh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kient toàn Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ xã Mỹ Chánh, gồm các ông (bà) có tên trong danh sách đính kèm.

Điều 2. Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có nhiệm vụ:

1. Tổ chức thực hiện Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001 sửa đổi, bổ sung năm 2013 (sau đây viết tắt là Luật PCCC) và các văn bản hướng dẫn thi hành; thực hiện có hiệu quả các hoạt động, công tác: tuyên truyền về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (sau đây viết tắt là PCCC và CNCH); kiểm tra an toàn PCCC; tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH; duy trì lực lượng, phương tiện thường trực chiến đấu và tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; tham gia tổ chức diễn tập, thực tập các phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; tổ chức hưởng ứng “Ngày toàn dân PCCC - 04/10” hàng năm; xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC; xây dựng lực lượng dân phòng, PCCC cơ sở ngày càng lớn mạnh.

2. Tổ chức nghiên cứu, xây dựng kế hoạch, giải pháp đảm bảo an toàn PCCC và CNCH trên địa bàn trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt; nghiên cứu, đề xuất xây dựng các dự án đầu tư trang thiết bị, phương tiện, cơ sở hạ tầng phù hợp, nhằm đáp ứng yêu cầu công tác PCCC và CNCH trên địa bàn.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổ chức phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể, địa phương, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện các biện pháp PCCC và CNCH; đánh giá hoạt động, kết quả thực hiện của các ban, ngành, đoàn thể, địa phương, các doanh nghiệp về công tác PCCC và CNCH.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp xây dựng, củng cố, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lực lượng PCCC cơ sở, lực lượng dân phòng; thực hiện có hiệu quả phương châm "**04 tại chỗ**": *Lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ và chỉ huy tại chỗ*; xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân tham gia PCCC.

5. Tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác PCCC và CNCH; đề nghị khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác PCCC và CNCH; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề và báo cáo đột xuất về tình hình, kết quả công tác PCCC và CNCH theo quy định.

Điều 3. Công chức Văn phòng – Thống kê UBND, các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu:VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Suroi

**DANH SÁCH ĐỘI PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN,
CỨU HỘ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MỸ CHÁNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 11/QĐ-UBND,
ngày 12 tháng 01 năm 2021)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC DANH
1	Trần Văn Phúc	Công chức VP-TK UBND	Đội trưởng
2	Trần Huỳnh Bá Vũ Linh	Công chức Địa chính – xây dựng	Đội phó
3	Nguyễn Thành Công	Công chức Địa chính – xây dựng	Đội viên
4	Phạm Quốc Hương	Công chức Địa chính – xây dựng	Đội viên
5	Dương Tấn Triệu	Công chức TP-HT	Đội viên
6	Kim Thanh	Nhân viên Văn phòng UBND	Đội viên
7	Lê Hữu Trí	Phó Bí thư xã đoàn	Đội viên
8	Nguyễn Chí Công	Nhân viên Văn phòng Đảng ủy	Đội viên
9	Trần Minh Tâm	UBKT đảng ủy	Đội viên
10	Thạch Năm Đen	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	Đội viên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MỸ CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 18 /QĐ-UBND

Mỹ Chánh ngày 12 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
**BAN HÀNH QUY CHẾ PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MỸ CHÁNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy năm 2001 sửa đổi, bổ sung năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 163/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2014 của Bộ công an;

Xét đề nghị của Đội trưởng phòng cháy và chữa cháy cơ sở xã Mỹ Chánh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ xã Mỹ Chánh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Công chức Văn phòng – Thống kê UBND, trưởng các ban, ngành, đoàn thể có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Suroi

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN,
CỨU HỘ XÃ MỸ CHÁNH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày 12/01/2021 của UBND xã Mỹ Chánh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đội Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ xã Mỹ Chánh là tổ chức được thành lập theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh xã Mỹ Chánh về việc kiện toàn Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Điều 2. Nhiệm vụ của Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:

1. Tổ chức thực hiện Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001 sửa đổi, bổ sung năm 2013 (*sau đây viết tắt là Luật PCCC*) và các văn bản hướng dẫn thi hành; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện có hiệu quả các hoạt động, công tác: tuyên truyền về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (*sau đây viết tắt là PCCC và CNCH*); kiểm tra an toàn PCCC; tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH; duy trì lực lượng, phương tiện thường trực chiến đấu và tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; tham gia tổ chức diễn tập, thực tập các phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; tổ chức hưởng ứng “Ngày toàn dân PCCC - 04/10” hàng năm; xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC; xây dựng lực lượng dân phòng, PCCC cơ sở ngày càng lớn mạnh.

2. Tổ chức nghiên cứu, xây dựng các chủ trương, kế hoạch, giải pháp đảm bảo an toàn PCCC và CNCH trên địa bàn trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt và chỉ đạo tổ chức thực hiện các quyết định đó; nghiên cứu, đề xuất xây dựng các dự án đầu tư trang thiết bị, phương tiện, cơ sở hạ tầng phù hợp, nhằm đáp ứng yêu cầu công tác PCCC và CNCH trên địa bàn.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổ chức phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể, địa phương, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện các biện pháp PCCC và CNCH; đánh giá hoạt động, kết quả thực hiện của các ban, ngành, đoàn thể, địa phương, các doanh nghiệp về công tác PCCC và CNCH.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp xây dựng, củng cố, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lực lượng PCCC cơ sở, lực lượng dân phòng và lực lượng PCCC chuyên ngành; thực hiện có hiệu quả phương châm “04 tại chỗ”: *Lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ và chỉ huy tại chỗ*; xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân tham gia PCCC.

5. Chỉ đạo và tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác PCCC và CNCH; đề nghị khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác PCCC và CNCH; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo

chuyên đề và báo cáo đột xuất về tình hình, kết quả công tác PCCC và CNCH theo quy định.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC, PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VÀ CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG

Điều 3. Đội Phòng cháy chữa cháy, CNCH có Đội trưởng, Đội phó, các Thành viên.

1. Đội Trưởng: Công chức Văn phòng – Thống kê UBND.
2. Đội Phó: Công chức Địa chính xây dựng.
3. Thành viên Ban chỉ đạo gồm các các căn bộ công chức, trưởng phó ngành đoàn thể.

Điều 4. Trách nhiệm của các thành viên trong Đội Phòng cháy chữa cháy, CNCH.

1. Đội trưởng chỉ đạo điều hành hoạt động chung trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân về toàn bộ hoạt động của Đội và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên.

2. Đội Phó có trách nhiệm giúp Đội trưởng thực hiện điều hành các công việc do Đội trưởng phân công. Trực tiếp tham mưu, giúp việc Đội trưởng chỉ đạo trong chỉ đạo triển khai toàn diện các mặt công tác PCCC và CNCH.

Giúp Đội Trưởng xây dựng kế hoạch; tổng hợp đánh giá kết quả hoạt động, kiểm tra, đôn đốc các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ; có trách nhiệm trực tiếp tham gia lập kế hoạch, nghiên cứu, hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra đôn đốc việc thực hiện những nội dung của kế hoạch PCCC và CNCH. Tổng hợp kết quả thực hiện định kỳ 06 tháng, 01 năm (trừ các báo cáo đột xuất) báo cáo Trưởng ban. Tham mưu Ban chỉ đạo nội dung các cuộc họp định kỳ, họp đột xuất khi cần thiết.

3. Đội phó có trách nhiệm chỉ đạo đề tham mưu, giúp việc cho Đội trưởng trong chỉ đạo triển khai toàn diện các mặt công tác PCCC và CNCH.

4. Các thành viên Ban chỉ đạo có nhiệm vụ:

a) Tổ chức chỉ đạo thực hiện kế hoạch PCCC và CNCH theo chức năng ngành, đoàn thể, đơn vị mình.

b) Chuẩn bị các nội dung liên quan trong kỳ họp sơ kết, tổng kết của Đội; tham gia đóng góp ý kiến về những vấn đề chỉ đạo, thực hiện, phát sinh.

c) Khi nhận được tin báo có cháy xảy ra, đặc biệt là đối với những vụ cháy lớn, có khả năng cháy lan, gây thiệt hại nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng về người và tài sản, các thành viên của Đội Phòng cháy chữa cháy, CNCH căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình phải nhanh chóng chỉ đạo hệ thống ngành, lĩnh vực mình chủ động phối hợp với lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp thực hiện các biện pháp chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; đồng thời phải nhanh chóng có mặt tại hiện trường để cùng tham gia chỉ đạo chữa cháy.

d) Có trách nhiệm nắm tình hình, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương được phân công phụ trách về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

đ) Thực hiện các công việc khác do Đội trưởng phân công.

a) Nghiên cứu, đề xuất chương trình kế hoạch hàng năm của Đội Phòng cháy chữa cháy, CNCH

b) Tham mưu điều phối, đôn đốc các hoạt động thuộc nội dung, kế hoạch chương trình của Đội Phòng cháy chữa cháy, CNCH.

c) Chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu phục vụ các cuộc họp của Ban chỉ đạo.

d) Theo dõi tiến độ, kiểm tra, tổng hợp tình hình, đánh giá kết quả thực hiện các kế hoạch công tác.

đ) Tham mưu đề xuất bố trí đầu tư xây dựng, trang bị phương tiện cho lực lượng PCCC và CNCH.

e) Đảm bảo thông tin liên lạc giữa các thành viên.

Chương III

NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG

Điều 5. Ban chỉ đạo điều phối các hoạt động thực hiện công tác PCCC và CNCH thông qua sự bàn bạc tập thể của các thành viên; đánh giá kết quả việc thực hiện các chương trình, kế hoạch hàng năm; phối hợp tháo gỡ các khó khăn, giải quyết các yêu cầu cần thiết đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch. Khi đã có chương trình, kế hoạch của Đội Phòng cháy chữa cháy, CNCH, các ngành thành viên phải chủ động hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của ngành và phối hợp với các ngành khác những vấn đề có liên quan.

Điều 6. Khi có sự thay đổi về nhân sự Đội Phòng cháy chữa cháy, CNCH phải báo cáo cho Ban chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cấp trên.

Điều 7. Ban chỉ đạo định kỳ tổ chức họp sơ, tổng kết 01 năm/1 lần.

Chương IV

KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Kinh phí hoạt động của Đội Phòng cháy chữa cháy, CNCH theo quy định hiện hành.

Điều 10. Quy chế này để các thành viên Đội Phòng cháy chữa cháy, CNCH thực hiện.

Quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, phản ánh về Cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo cấp trên để tổng hợp giải quyết kịp thời./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mỹ Chánh, ngày 27 tháng 01 năm 2023

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số: 01/2023/HĐ-TC

CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA CHỢ MỸ CHÁNH

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MỸ CHÁNH

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ MỸ CHÁNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH.

ĐƠN VỊ THI CÔNG: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM – XD HƯNG PHONG

NĂM 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mỹ Chánh, ngày 27 tháng 01 năm 2023

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG

Hợp đồng số: 01/2023/HĐ-TC

- **Công trình:** Sửa chữa chợ Mỹ Chánh.
- **Địa điểm XD:** xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

PHẦN 1 – CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 thay thế Luật dân sự số 33/2005/QH 11 ngày 14/06/2005;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Nghị định 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Thông tư số 09/2016/TT-BXD, ngày 10/03/2016 của Bộ xây dựng hướng dẫn hợp đồng thi công xây dựng;

Thông tư số 08/2016/TT-BTC, ngày 18/01/2016 của Bộ tài chính quy định về quản lý thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Thông tư 65/2021/TT-BTC, ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công;

Căn cứ quyết định số 09/QĐ – UBND ngày 27/01/2023 của UBND xã Mỹ Chánh, về việc phê duyệt dự toán xây dựng công trình Sửa chữa chợ Mỹ Chánh.



Căn cứ quyết định số 10/QĐ – UBND ngày 27/01/2023 của UBND xã Mỹ Chánh, về việc chỉ định đơn vị thi công công trình Sửa chữa chợ Mỹ Chánh.

PHẦN 2. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG:

Hôm nay, ngày 27 tháng 01 năm 2023, tại văn phòng Ủy Ban Nhân Dân Xã Mỹ Chánh, chúng tôi gồm các bên dưới đây.

1. Bên giao thầu (viết tắt là bên A):

- Tên giao dịch: Ủy Ban Nhân Dân Xã Mỹ Chánh.

- Đại diện là: Ông Dương Huy Bảo - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã

- Địa chỉ: ấp Đầu Giồng A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Tài khoản số: 9527.4.1008976 tại Kho bạc nhà nước Châu Thành

- Mã số thuế: 2100224166

- Điện thoại: 02943.891056 Fax:.....

2. Bên nhận thầu (viết tắt là bên B):

- Tên giao dịch: Công ty TNHH Một thành viên TM – XD Hưng Phong.

- Đại diện là: Ông Nguyễn Vũ Phong - Chức vụ: Giám đốc.

- Địa chỉ: 316 Quốc lộ 54, ấp Thanh Nguyên B, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Tài khoản số: 1140.1067.0538.0001 Tại: Ngân hàng TMCP Sài Gòn - chi nhánh Trà Vinh.

- Điện thoại: 0939297507; Fax:.....

- Mã số thuế: 2100582644

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2100582644 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Trà Vinh cấp ngày 12 tháng 01 năm 2015

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1: Đối tượng hợp đồng- Phạm vi công việc

Bên A giao cho bên B nhận thực hiện thi công công trình Sửa chữa chợ Mỹ Chánh. Địa điểm thi công tại xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Trong đó có các công việc cụ thể bên B phải thực hiện:

Số TT	Nội dung công việc - Diễn giải	Đơn vị Tính	Khối lượng	Đơn giá Tổng hợp	Thành tiền
1	Cát sàn bê tông bằng máy - Chiều dày ≤10cm	m	24,0000	76.360	1.832.640
2	Phá dỡ nền - Nền bê tông, không cốt thép	m ³	1,8000	801.978	1.443.560
3	Đào kênh mương, rãnh thoát nước, đường ống, đường cáp bằng thủ công, rộng ≤3m, sâu ≤1m - Cấp đất I	1m ³	7,2000	119.611	861.199
4	Lắp đặt ống nhựa FVC miệng bát bằng p/p nổi gioăng, dài 6m - Đường kính 300mm	100m	0,1200	142.694.285	17.123.314
5	Đắp đất bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90	100m ³	0,0240	2.500.836	60.020

6	Nilon lot	m2	18,0000	3.988	71.784
7	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	2,7000	1.595.197	4.307.032
8	Lắp đặt đèn ống dài 1,2m, hộp đèn 2 bóng	bộ	14,0000	344.012	4.816.168
9	Lắp đặt dây đơn $\leq 1,0\text{mm}^2$	m	350,0000	10.239	3.583.650
10	Lắp đặt đồng hồ Rơ le	cái	1,0000	1.211.744	1.211.744
11	Lắp đặt ống nhựa chìm bảo hộ dây dẫn - Đường kính $\leq 27\text{mm}$	m	150,0000	45.871	6.880.650
12	Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt - tường, trụ, cột (Tuong ngoài)	m2	190,2600	11.766	2.238.599
13	Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt - tường, trụ, cột (Tuong trong)	m2	175,8600	11.766	2.069.169
14	Sơn dầu, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	360,2600	103.628	37.333.023
15	Sơn dầu, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	175,8600	82.977	14.592.335
Tổng cộng					98.424.887
Tổng cộng (làm tròn số)					98.424.000

Bảng chữ: (Chín mươi tám triệu bốn trăm hai mươi bốn ngàn đồng)./.

Điều 2: Luật và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng này là tiếng Việt.

Điều 3: Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết thực hiện đầy đủ công việc nêu tại Điều 1 của hợp đồng, đảm bảo chất lượng công trình theo tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm nêu trong hợp đồng.

Điều 4: Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nêu trong hợp đồng.

Điều 5: Hình thức hợp đồng, giá hợp đồng, phương thức thanh toán, hồ sơ thanh toán

1. Hình thức hợp đồng: hợp đồng trọn gói

2. Giá hợp đồng (bao gồm thuế GTGT) là: **98.424.000 (Chín mươi tám triệu bốn trăm hai mươi bốn ngàn đồng)**

Giá hợp đồng không thay đổi trong thời gian thực hiện hợp đồng.

Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản vào tài khoản tên giao dịch : Công ty TNHH Một Thành Viên TM – XD Hưng Phong, số tài khoản: 1140.1067.0538.0001, tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn, chi nhánh Trà Vinh.

3. Hồ sơ thanh toán bao gồm: Biên bản nghiệm thu bàn giao giao công trình đưa vào sử dụng, biên bản nghiệm thu thanh quyết toán và thanh lý hợp đồng; hóa đơn thanh toán hợp lệ.

Điều 6. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

* Ngày khởi công, thời gian thực hiện hợp đồng:

- Ngày khởi công : 28/01/2023

- Ngày hoàn thành: 06/02/2023

Thời gian thực hiện hợp đồng: 10 ngày (Mười ngày), nếu chậm trễ do lỗi của Bên B, Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng và giao cho đơn vị khác thực hiện.

Điều 7. Bảo hành công trình

Bảo hành 12 tháng kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng

Điều 8. An toàn tại công trường

Bên B phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho tất cả các hoạt động tại công trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có xảy ra tranh chấp phát sinh, các bên có trách nhiệm thương lượng giải quyết trên cơ sở nội dung hợp đồng đã ký kết. Trường hợp không đạt được thỏa thuận, việc giải quyết tranh chấp sẽ thông qua tòa án theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực ngày 28/01/2023.

Sau khi công trình hoàn thành, hai bên sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 08 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 05 bản, Bên B giữ 03 bản./.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG



Nguyễn vũ phong

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



Dương Huy Bảo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
THU GOM VÀ BỐC TẢI RÁC THẢI SINH HOẠT
Số: 95/2023/HĐTĐ-HTX

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Phương án số 02/PA-UBND ngày 01/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành Phương án thu gom rác thải sinh hoạt bằng xe ô tô chuyên dùng trên địa bàn huyện Châu Thành;

Căn cứ Hợp đồng về việc bàn giao xe chở rác chuyên dùng giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành với Hợp tác xã Xây dựng - Môi trường Trà Vinh, có hiệu lực từ ngày 01/8/2016;

Căn cứ nhu cầu thu gom và bốc tải để đảm bảo vệ sinh môi trường;

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 12 năm 2022 **Chúng tôi gồm có:**

BÊN A: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MỸ CHÁNH

- Đại diện là Ông: **Dương Huy Bảo**; Chức vụ: **Chủ tịch**

- Địa chỉ: ấp Đầu Giồng A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Điện thoại: 02943.891056

- Mã số thuế: 2100 224 166

- Tài khoản: 9527.4.1008976, tại KBNN huyện Châu Thành

BÊN B: HTX XÂY DỰNG – MÔI TRƯỜNG TRÀ VINH.

- Đại diện là Bà: **Huỳnh Thị Tuyết**; Chức vụ: **Giám đốc.**

- Địa chỉ: 9/91B Phạm Ngũ Lão, Khóm 4, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Điện thoại: 02943 853 123 ĐD: 0963 177 188.

- Tài khoản: 9101110047979, mở tại ngân hàng TMCP Quân đội - CN Trà Vinh.



- Mã số thuế: 2100570945

Hai bên thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều I. Nội dung công việc:

Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom và bốc tải rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Mỹ Chánh

- **Tuyến đường thu gom và khối lượng:**

+ **Chuyến 01 (01 xe):** Tuyến Quốc lộ 54 (TTCT tới giáp Trà Cú); đường nhựa ấp Nhú nhiều - Giồng Trôm vận chuyển về bãi rác.

+ **Chuyến 02 (01 xe):** Tỉnh lộ 912, chợ Thanh Nguyên B, chợ Mỹ Chánh, Đường nhựa Phú Mỹ - Ô Dài và từ UBND xã Mỹ Chánh đến giáp Thanh Mỹ vận chuyển về bãi rác.

Điều II: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

- Tổng giá trị Hợp đồng là 20.000.000 đồng/tháng (*Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng*). Hợp đồng trọn gói.

- Phương thức thanh toán: Bên B tự tổ chức ký hợp đồng và thu phí vệ sinh của các hộ dân, chợ, trường học và các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn xã theo danh sách do bên A cung cấp, bên B thu đúng Căn cứ Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Điều III: Thời gian thực hiện hợp đồng:

Bắt đầu thực hiện kể từ ngày ký Hợp đồng đến khi có biên bản thanh lý Hợp đồng.

Điều IV: Trách nhiệm, quyền hạn, quyền lợi của mỗi bên:

I. Trách nhiệm bên A:

- Bên A có trách nhiệm vận động người dân đóng phí đúng và đủ theo Căn cứ Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (hoặc Quyết định hiện hành) để đảm bảo nguồn thu đã nêu tại **Điều II**.

- Có trách nhiệm vận động người dân phân loại rác thải và để rác thải sinh hoạt vào thùng chứa rác hoặc để đúng địa điểm, đúng thời gian theo quy định.

- Bố trí thùng chứa rác trên các tuyến đường có xe rác qua.

- Tổ chức giám sát việc thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt do Bên B thực hiện.

- Hỗ trợ giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình bên B thực hiện công việc.

2. Trách nhiệm của bên B:

- Bên B có nhiệm vụ thu gom, bốc tải, vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các điểm do UBND xã đã bố trí thùng chứa rác công cộng.

- Tổ chức thu phí tất cả các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và các hộ dân trên địa bàn xã Mỹ Chánh theo đúng quy định.

- Định kỳ hàng tháng có báo cáo về Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh về những thuận lợi, khó khăn vướng mắc để UBND xã kịp thời hỗ trợ.

Điều V: Điều khoản bổ sung:

Nếu lượng rác vượt quá số lượng mà 02 bên đã ký hợp đồng hoặc có phát sinh tăng tuyến đường, tăng địa điểm thu gom rác thì bên A phải thỏa thuận điều chỉnh giá thu gom rác cho phù hợp. Nếu không bên B sẽ không bốc tải số rác vượt quá số lượng mà 02 bên ghi trong hợp đồng.



Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu có trở ngại, vướng mắc, thì 02 bên phải thông báo cho nhau biết trước ít nhất 10 ngày bằng văn bản, để cùng nhau thỏa thuận giải quyết.

Điều VI: Điều khoản chung:

- Cùng nhau đồng hành, có trách nhiệm trong việc xây dựng huyện Châu Thành xanh - sạch - đẹp - văn minh.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều, khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu bên nào vi phạm sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A


Dương Huy Bảo

ĐẠI DIỆN BÊN B


Huỳnh Thị Tuyết

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 10/05/2023

Số: 05.23.459-2

- Khách hàng: **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MỸ CHÁNH**
- Địa điểm lấy mẫu: **Áp Dầu Giồng A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh**
- Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: **26/04/2023** Ngày trả kết quả: **10/05/2023**
- Loại mẫu: **Không khí** Số lượng: **02**
- Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
2604.XMC.KK01	Khu vực cách chợ khoảng 100m
2604.XMC.KK02	Khu vực nhà lồng chợ cá

6. Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm:

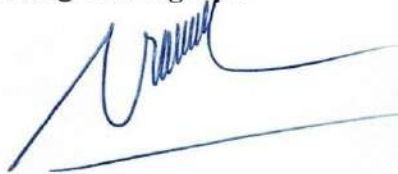
Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm
1.	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995
2.	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995
3.	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009
4.	CO	mg/m ³	HD - CO

7. Kết quả:

Kết quả	Thông số			
	Bụi	SO ₂	NO ₂	CO
	(mg/m ³)			
2604.XMC.KK01	0,217	0,089	0,061	6,85
2604.XMC.KK02	0,159	0,072	0,035	5,56
QCVN 05:2013/BTNMT	0,3	0,35	0,2	30

- Ghi chú:**
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.
 - (*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.
 - (**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.
 - (a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
 - (b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
 - Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).
 - KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).

Phòng Thử Nghiệm



Võ Văn Khoa




Trần Thanh Tùng

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 10/05/2023

Số: 05.23.459-1

- Khách hàng: **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MỸ CHÁNH**
- Địa điểm lấy mẫu: **Áp Đầu Giồng A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh**
- Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 26/04/2023 Ngày trả kết quả: 10/05/2023
- Loại mẫu: Vi khí hậu Số lượng: 02
- Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
2604.XMC.KK01	Khu vực cách chợ khoảng 100m
2604.XMC.KK02	Khu vực nhà lồng chợ cá

- Phương pháp quan trắc:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc
1.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878 – 2:2018

- Kết quả:

Kết quả	Thông số
	Tiếng ồn (dBA)
2604.XMC.KK01	68,2
2604.XMC.KK02	68,5
QCVN 26:2010/BTNMT	<70

- Ghi chú:** – Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.
– (*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.
– (**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.
– (a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
– (b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
– Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).
– KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp)

Phòng Thử Nghiệm



Võ Văn Khoa



Trần Thanh Tùng

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 10/05/2023

Số: 05.23.459-3

- Khách hàng: **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MỸ CHÁNH**
- Địa điểm lấy mẫu: **Áp Đầu Giồng A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh**
- Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 26/04/2023 Ngày trả kết quả: 10/05/2023
- Loại mẫu: **Nước mặt** Số lượng: **01**
- Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp quan trắc/lấy mẫu	Tình trạng/ thể tích mẫu
2604.XMC.NM01	Nước mặt kênh Thống nhất (cách điểm xả thải khoảng 100m)	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011	Mẫu nước trong/ 2lít

6. Kết quả:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc/ thử nghiệm	Kết quả
				2604.XMC.NM01
1.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	6,18
2.	BOD ₅	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	21,2
3.	COD	mgO ₂ /L	SMEWW 5220C:2017	27,0
4.	NH ₄ ⁺ (*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,555
5.	NO ₃ ⁻ (*)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	1,34
6.	PO ₄ ³⁻	mg/L	TCVN 6202:2008	0,226

Ghi chú: – Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.

– (*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.

– (**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.

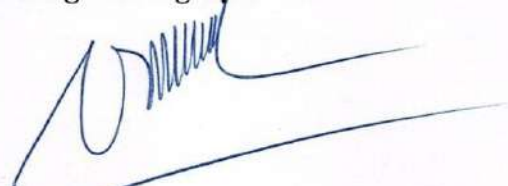
– (a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.

– (b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.

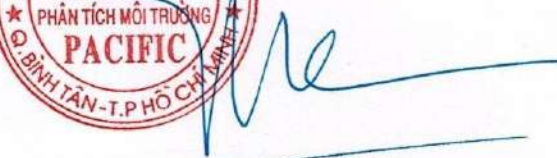
– Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).

– KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp)

Phòng Thử Nghiệm



Võ Văn Khoa

Trần Thanh Tùng

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 10/05/2023

Số: 05.23.459-4

- Khách hàng: **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MỸ CHÁNH**
- Địa điểm lấy mẫu: **Áp Đầu Giồng A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh**
- Ngày lấy mẫu/ 26/04/2023 Ngày trả kết quả: 10/05/2023
nhận mẫu:
- Loại mẫu: **Nước thải** Số lượng: **01**
- Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp quan trắc/lấy mẫu	Tình trạng/ thể tích mẫu
2604.XMC.NT01	Nước thải tại cống thoát nước thải của Chợ	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011	Mẫu nước đen, nhiều cặn/ 2lít

6. Kết quả:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc/ thử nghiệm	Kết quả
				2604.XMC.NT01
1.	pH ^(*)	--	TCVN 6492:2011	6,12
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	136
3.	TDS ^(*)	mg/L	HD-TDS	371
4.	BOD ₅	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	536
5.	NH ₄ ⁺ ^(*)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .B&F:2017	48,0
6.	NO ₃ ⁻ ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	24,6
7.	PO ₄ ³⁻	mg/L	TCVN 6202:2008	12,7
8.	S ²⁻ ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	1,33
9.	Tổng dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,614
10.	Chất HDBM	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	0,092

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc/ thử nghiệm	Kết quả
				2604.XMC.NT01
11.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	11.500

Ghi chú: - Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.

- (*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.
- (**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.
- (a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
- (b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).
- KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).

Phòng Thử Nghiệm

Võ Văn Khoa



KI Giám đốc
P. Giám đốc

Trần Thanh Tùng

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 11/05/2023

Số: 05.23.467

- Khách hàng: **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MỸ CHÁNH**
- Địa điểm lấy mẫu: **Áp Đầu Giồng A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh**
- Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: **04/05/2023** Ngày trả kết quả: **11/05/2023**
- Loại mẫu: **Nước mặt** Số lượng: **01**
- Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp quan trắc/lấy mẫu	Tình trạng/ thể tích mẫu
2604.XMC.NM01	Nước mặt kênh Thống nhất (cách điểm xả thải khoảng 100m)	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011	Mẫu nước trong/ 2lít

6. Kết quả:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc/ thử nghiệm	Kết quả
				2604.XMC.NM01
1.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	6,72
2.	BOD ₅	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	20,5
3.	COD	mgO ₂ /L	SMEWW 5220C:2017	29,5
4.	NH ₄ ⁺ (*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,425
5.	NO ₃ ⁻ (*)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	2,342
6.	PO ₄ ³⁻	mg/L	TCVN 6202:2008	0,176

Ghi chú: – Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.

- (*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.
- (**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.
- (a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
- (b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).
- KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp)

Phòng Thử Nghiệm



Võ Văn Khoa




Trần Thanh Tùng

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 15/05/2023

Số: 05.23.481

- Khách hàng: **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MỸ CHÁNH**
- Địa điểm lấy mẫu: **Áp Đầu Giồng A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh**
- Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: **08/05/2023** Ngày trả kết quả: **15/05/2023**
- Loại mẫu: **Nước mặt** Số lượng: **01**
- Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp quan trắc/lấy mẫu	Tình trạng/ thể tích mẫu
2604.XMC.NM01	Nước mặt kênh Thống nhất (cách điểm xả thải khoảng 100m)	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011	Mẫu nước trong/ 2lít

6. Kết quả:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc/ thử nghiệm	Kết quả
				2604.XMC.NM01
1.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	6,25
2.	BOD ₅	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	20,2
3.	COD	mgO ₂ /L	SMEWW 5220C:2017	29,0
4.	NH ₄ ⁺ (*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,452
5.	NO ₃ ⁻ (*)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	2,34
6.	PO ₄ ³⁻	mg/L	TCVN 6202:2008	0,126

Ghi chú: - Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.

- (*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.

- (**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.

- (a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.

- (b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.

- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).

- KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).

Phòng Thử Nghiệm

Võ Văn Khoa



Trần Thanh Tùng

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình thí điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận “**Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC**”, địa chỉ tại Số 115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký **303/TN-QTMT**) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số **VIMCERTS 303**) theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi được chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TNMT TP Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL (09).

**KT BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân